



kāi mén
开门

verb-object phrase · to open the door

Example Sentences

Qǐng bāng wǒ kāi mén

请 帮 我 开 门。

Please help me open the door.

Shāng diàn zǎo shàng jiǔ diǎn kāi mén

商 店 早 上 九 点 开 门。

The store opens at nine in the morning.

Trace each character, then write the word on your own.

开	开	开	开	开	开	开													
门	门	门	门	门	门	门													